

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-PT

Ngày: 25-02-2020

V/v tranh chấp lỗi đi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Lâm;

Bà Phạm Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Huy Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 366/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp lỗi đi”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2020/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông B, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh - có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông T, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 96, đường R, khu phố 1, Phường 4, thành phố N, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 21-10-2019) - có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà H, sinh năm 1957; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh - vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Chị PH, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 21-02-2020) - có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà HKT, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh - có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Ông NVT, sinh năm 1953; địa chỉ: Số 96, đường R, khu phố 1, Phường 4, thành phố N, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 21-10-2019) - có mặt.

3.2. Chị PH, sinh năm 1982; nơi ĐKKHKT: Số 41, đường T, Phường 2, thành phố A, tỉnh Long An; tạm trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh - có mặt.

3.3. Chị PTTCH, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 41, đường T, Phường 2, thành phố A, tỉnh Long An.

3.4. Anh PTB, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 41, đường T, Phường 2, thành phố A, tỉnh Long An.

3.5. Chị PH, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 41, đường T, Phường 2, thành phố Q, tỉnh Long An.

3.6. Anh PQV, sinh năm 1991; địa chỉ: Thành phố Hồ Chí Minh.

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tòa án không triệu tập).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Giáp Văn Bốn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông B trình bày:

Ông có phần đất rẫy diện tích khoảng 3,5ha giáp đất rẫy của bà H, tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Đất có nguồn gốc do ông nhận chuyển nhượng từ năm 2001 - 2002 của ông NVG, ông NVL, ông NTC, ông NVPN và ông NVG. Phần đất rẫy này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện tại đất ông đang trồng mì. Khi chuyển nhượng đất có giấy tay mua bán, đã tiến hành giao tiền, giao đất nhưng hiện tại vẫn chưa làm thủ tục sang tên. Khi ông làm thủ tục sang tên thì bà H không chịu ký tứ cận, bà H cho rằng con đường công cộng là thuộc quyền sử dụng của bà H nên bà H tự ý rào lại phần ngõ và đổ đất làm đường. Ông nhiều lần báo chính quyền địa phương và địa phương có mời bà H lên làm việc thì bà H cố tình né tránh không có mặt.

Khi vợ chồng bà H làm đường ông có tự nguyện góp đất của mình (diện tích ngang 4m, dài khoảng 300m) để làm lối đi chung. Ông yêu cầu Tòa án xác định con đường ngang 04 m, dài khoảng 300m giữa đất ông và đất bà H là con đường công cộng; yêu cầu bà H tháo cổng rào để ông và các hộ dân đi lại.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn, chị PH trình bày

Gia đình chị có đất rẫy tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh giáp với đất rẫy của ông B. Đất này do cha mẹ chị là bà H và ông B (chết năm 2014) mua năm 1999 - 2000 của ông NVH (đã chết) và bà LTT. Hiện nay chị và mẹ chị đang sử dụng trồng cao su trên đất. Khi cha mẹ chị mua phần đất rẫy này thì phần đất rẫy của ông B còn thuộc quyền sử dụng của ông G và nhiều người khác, ranh đất lúc đó chỉ là bờ đất giáp với nhau, không có đường đi. Ngoài diện tích đất giáp với đất của ông B, gia đình chị còn mua nhiều diện tích đất khác trong khu vực này. Năm 2000 gia đình chị tự mở lối đi từ đường kênh Biên Hòa vào đất của gia đình (ngang khoảng 6m, dài khoảng 800m), mỗi năm gia đình chị đều phải tu sửa, tôn tạo con đường này và chi phí để tu sửa, tôn tạo con đường từ năm 2001 đến nay khoảng 1.500.000.000 đồng. Hiện nay con đường đã được rải đá xanh bằng phẳng, xe chạy dễ dàng và con đường này từ trước đến nay chỉ có gia đình chị sử dụng. Khoảng năm 2001 ông B mới canh tác trên đất này, trước đây ông B sử dụng con

đường kênh Biên Hòa để vào đất của ông B nhưng sau này con đường kênh Biên Hòa bị lấp nên ông B đi nhờ con đường nhà chị mở. Phía đầu đường giáp với đường kênh Biên Hòa trước đây gia đình chị có làm một cổng rào nhưng không kiên cố, do người giữ Trại cho gia đình chị khóa cổng và mở cổng trễ nên con trai ông B không đi vào được, vì thế con trai ông B tự ý lấy xe máy cày ủi hư cổng rào. Gia đình chị có báo công an xã L giải quyết và sau đó gia đình chị đã làm lại cổng rào kiên cố. Từ khi gia đình chị làm lại cổng rào kiên cố thì gia đình ông B sử dụng con đường kênh Biên Hòa để đi vào đất.

Trước đây ông PNL cũng có tranh chấp với gia đình chị con đường này, ông L yêu cầu xác định là đường công cộng nhưng Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông L, xác định đây không phải là con đường công cộng và ông L có con đường đi khác

Nay ông B khởi kiện yêu cầu xác định con đường này là con đường công cộng, gia đình chị không đồng ý. Con đường này không phải là con đường công cộng mà là do gia đình chị tự bỏ đất ra làm đường để thuận tiện cho việc vận chuyển. Ngoài lối đi này thì ông B vẫn còn lối đi đường kênh Biên Hòa giáp với đất ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà HKT trình bày: Bà là vợ của ông B, bà thống nhất với lời trình bày của ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị PH trình bày: Chị là con của ông PTB (chết năm 2014) và bà H. Phần đất hiện nay đang tranh chấp lối đi là của cha mẹ chị, hiện mẹ chị đã già yếu nên chị là người trực tiếp quản lý sử dụng phần đất này. Nay ông B khởi kiện yêu cầu xác định con đường là đường công cộng chị không đồng ý, vì con đường này là của gia đình chị tự bỏ đất ra làm và tôn tạo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị PTTCH trình bày: Chị là con ruột của ông B (chết năm 2014) và bà H. Phần đất đang tranh chấp tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh là của cha mẹ chị. Nguồn gốc đất là do cha chị sang nhượng của ông NVH và bà LTT từ năm 1999. Phần đất hiện nay hiện nay do mẹ chị và em ruột của chị là chị PH trực tiếp canh tác, quản lý, sử dụng. Chị không có yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất này. Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh PTB trình bày: Anh là con ruột của ông B (chết năm 2014) và bà H. Phần đất ông B đang tranh chấp tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh là của cha mẹ anh. Nguồn gốc đất là do cha anh nhận sang nhượng của ông NVH và bà LTT từ năm 1999. Phần đất hiện nay hiện nay do mẹ và em ruột của anh là chị H trực tiếp canh tác, quản lý, sử dụng. Anh không có yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất này. Anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị PHH trình bày: Chị là con ruột của ông B (chết năm 2014) và bà H. Phần đất ông B tranh chấp tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh là của cha mẹ chị. Nguồn gốc đất là do cha chị nhận

sang nhượng của ông NVH và bà LTT từ năm 1999. Phần đất này hiện nay do mẹ của chị và chị H trực tiếp canh tác, quản lý, sử dụng. Chị không có yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất này. Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh PQV trình bày: Anh là con ruột của ông B (chết năm 2014) và bà H. Phần đất ông B đang tranh chấp tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh là của cha mẹ anh. Nguồn gốc đất là do cha anh sang nhượng của ông NVH và bà LTT từ năm 1999. Phần đất này hiện nay do mẹ của anh và chị ruột của anh là chị H trực tiếp canh tác, quản lý, sử dụng. Anh không có yêu cầu chia di sản thừa kế đối với phần đất này. Anh không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 27-9-2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tuyên xử:

Căn cứ, Điều 166, 202, 203 Luật đất đai 2013; Điều 158, 163, 254 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 1 Điều 35, khoản 1 điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Điều 11, 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự

Ngày 11-10-2019, nguyên đơn ông B có đơn kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, công nhận con đường tranh chấp là đường công cộng.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông NVT trình bày: Tại phiên tòa hôm nay ông B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Con đường ông B tranh chấp với bà H chưa được cấp giấy đất cho bà H và ông B. Các nhân chứng tại phiên tòa hôm nay là ông LTH, ông VVH, ông LVT là những người ở gần đất tranh chấp đều xác định đây là con đường công cộng và ông BVG là người bán đất cho ông B cũng xác định khi bán đất cho ông B có con đường. Trước năm 1998 khi chưa làm kênh Biên Hòa thì người dân sử dụng con đường này, con đường này rất dài, kéo dài đi qua đất của ông B và bà H.

Bản đồ 299 năm 1993 của xã L có trong hồ sơ thể hiện có con đường công cộng từ kênh nhà máy đường Biên Hòa đến suối, bên kia suối là xã Ninh Điền.

Giấy đất Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông Bằng ngày 22-4-2002 thể hiện các thửa 1308, 1309, 1310, 1311 giáp đường và Giấy đất Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông B số vào sổ CN02911.QSD Đ/458/2002/HĐCN thể hiện các thửa 1314, 1315, 1317, 1318 giáp đường.

Tại cấp phúc thẩm tôi có cung cấp sơ đồ đất có xác nhận của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh thể hiện có con đường đi qua đất của bà H và ông B.

Bản án sơ thẩm cho rằng con đường này không phải là đường công cộng là hoàn toàn sai vì đây là đường công cộng.

Từ những cơ sở trên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa, có công văn hỏi cơ quan chức năng để xác định con đường theo sơ đồ đất tôi đã cung cấp tại cấp phúc thẩm là đường công cộng hay đường của cá nhân. Hoặc chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa án sơ thẩm công nhận con đường này là đường công cộng.

Nguyên đơn ông B trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông T. Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận đây là đường công cộng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn, chị PHP trình bày: Không chấp nhận kháng cáo của ông B. Yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các thẩm phán tham gia phiên tòa và thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về thủ tục xét xử phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của ông B.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông B làm đúng theo mẫu, đầy đủ nội dung, trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí là hợp lệ về hình thức.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông B thấy rằng:

Bà H và ông B có đất giáp ranh nhau, tọa lạc tại ấp N, xã L, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Nguồn gốc đất của bà H là do bà H và chồng là ông B (chết năm 2014) mua năm 1999 - 2000 của ông NVH (đã chết), bà LTT và của nhiều người khác. Tất cả đất bà H và ông B mua đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguồn gốc đất của ông B là do ông B nhận chuyển nhượng từ năm 2000 - 2002 của ông LTC, ông NVT, ông BVG và ông NVL.

Ông B khởi kiện bà H yêu cầu xác định phần đất có diện tích 1.271,6m²; có tứ cận: Đông giáp đất bà H dài 4m; Tây giáp kênh Biên Hòa dài 6,55m; Nam giáp đất bà H dài 321,2m; Bắc giáp đất bà H dài 116,97m, giáp đất ông B dài 199,3m; là lối đi công cộng.

Tại giấy tay sang nhượng đất của vợ chồng ông LTC và bà LTG cho ông B ngày 09-6-2000 (BL131) nội dung: Vợ chồng ông C sang nhượng cho ông B 08 công đất, có tứ cận: Bắc giáp kênh Biên Hòa; Đông giáp ông G; Tây giáp bà B; Nam giáp bà H (không thể hiện 08 công đất này có giáp đường công cộng).

Tại giấy tay sang nhượng đất của vợ chồng ông NVT và bà LTT cho ông B ngày 19-02-2001 (BL130) nội dung: Vợ chồng ông T sang nhượng cho ông B 2 công 8 đất, có tứ cận: Bắc giáp Út Gân; Đông giáp Út Gân; Tây giáp Lạch con ông Chính; Nam giáp Út Gân (không thể hiện 2 công 8 đất này có giáp đường công cộng).

Tại giấy tay sang nhượng đất của vợ chồng ông BVG và bà TTR cho ông B ngày 02-01-2002 (BL129) nội dung: Vợ chồng ông G sang nhượng cho ông B 1 mẫu 3 công 5 vuông đất, có tứ cận: Đông giáp ông Chạn; Bắc giáp ông Chín Rô; Tây giáp ông Bảy Hòn; Nam giáp đường xe bên bà Bảy Hòn. Nội dung giấy tay sang nhượng đất này thể hiện đất ông B mua phía Nam có giáp đường xe nhưng là đường xe nằm trên đất của bà Bảy Hòn, không phải đường xe công cộng

Tại Biên bản xác minh (BL 168-171) những người đang canh tác và đã từng canh tác gần đất tranh chấp đều xác định lối đi đi tranh chấp đã có từ lâu nhưng không biết được có nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ai không. Hiện nay lối đi này chỉ có ông B tranh chấp với bà H, ngoài ra không còn ai sử dụng lối đi này nữa. Ngoài lối đi đang tranh chấp với bà H, ông B vẫn còn lối đi công cộng khác để vào đất của ông bốn là đường kênh Biên Hòa, lối đi này thuận tiện cho việc đi lại và không có trở ngại gì.

Tại cấp phúc thẩm ông NVT là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông B cung cấp sơ đồ đất, tờ bản đồ số 70 (có dấu đỏ của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh). Ông T cho rằng sơ đồ đất thể hiện có lối đi là đường đất từ kênh Biên Hòa vào đất của ông B (đây là lối đi ông B đang tranh chấp với bà H); yêu cầu cấp phúc thẩm tạm ngưng phiên tòa để xác định đây là lối đi công cộng hay lối đi riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Đơn xin xác nhận ngày 26-7-2019 (BL204) ông LHP trưởng ấp N xác định “Con đường được trải đá xanh có trong đất của bà H là do bà tự phân lô làm đường kinh phí làm đường do bà tự bỏ ra”; chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L cũng xác nhận “Con đường trong đất của bà H do bà H tự mở, không phải đường công cộng”.

Tại Biên bản xác minh ngày 29-5-2019 (BL166), bà Q cán bộ địa chính xã L cũng xác nhận ông B có đất giáp đất của bà H, hiện nay đất của ông B chưa được cấp giấy đất, để đi vào đất của ông B có 02 lối đi, một lối đi ông B đang tranh chấp với bà H và một lối đi bên kênh Biên Hòa, lối đi này có chiều ngang khoảng 05m dài hết chiều dài đất của ông B ở phía Tây (giáp kênh Biên Hòa), con đường này hiện đang được người dân sử dụng và không có trở ngại gì.

Tại Biên bản xác minh bà LTT (BL81) là người bán đất cho bà H và ông B, bà T xác định: Đoạn đường từ bờ kênh Biên Hòa đến cửa trại của bà H có nguồn gốc do bà T khai phá từ năm 1970, khoảng năm 1987 bà T chuyển nhượng lại cho ông B, lúc đầu con đường này chỉ là một lối mòn do gia đình bà T tự mở để đi lại, sau này gia đình bà H tự đổ đất, cải tạo lối mòn này thành con đường như hiện nay. Con đường này là đường cá nhân không phải đường công cộng.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở xác định lối đi ông B tranh chấp với bà H không phải là lối đi công cộng. Ngoài lối đi đang tranh chấp để đi vào đất của ông B còn lối đi thuận tiện khác là đường kênh Biên Hòa.

Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông B; không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của ông NVT.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do không chấp nhận kháng cáo của B, nên ông B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95, 166, 171, 203 Luật đất đai 2013; Điều 158, 254 Bộ luật dân sự 2015; Điều 227, 228, 294 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông B.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B về việc “Tranh chấp lối đi” đối với bà H.

4. Về chi tố tụng khác: Ông B phải chịu 2.500.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản; ghi nhận đã nộp xong.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông B phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019195 ngày 03-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông B phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006383 ngày 14-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TAND h. Châu Thành;
- CCTHADS h.Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn